

Hướng dẫn cấu hình AC1200Z

MỤC LỤC

1.TỔNG QUAN THIẾT BỊ	2
1.1 Hình ảnh, giới thiệu thiết bị	2
1.2 Chức năng	2
1.3 Đặc điểm kỹ thuật AC 1200Z	2
1.4 Trạng thái đèn thiết bị.....	3
1.5 Các tính năng.....	4
2. CẤU HÌNH CHI TIẾT	4
2.1 Đăng nhập WEPGUI	4
2.2 Cấu hình Wifi : SSID name , Password, giới hạn số lượng client	5
2.3 Cấu hình tách sóng WIFI	7
2.4 Cấu hình IPTV	8
2.5 Cấu hình Mesh	9
2.6 Chặn thiết bị truy cập (Parental Controls).....	9
2.7 Nat port	10

1.TỔNG QUAN THIẾT BỊ

1.1 Hình ảnh, giới thiệu thiết bị



1.2 Chức năng

- Sử dụng thiết bị Access Point AC 1200Z làm Access Point

1.3 Đặc điểm kỹ thuật AC 1200Z

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Phân cứng	AC1200H	AC1200C	AC1200Z	Sơ sánh
Hình ảnh				
Gain	2.4Ghz: 2dbi 5Ghz: 2dbi	2.4Ghz: 3dbi 5Ghz: 3dbi	2.4Ghz: 3dbi 5Ghz: 3dbi	Các thiết bị đều có Gain thấp nên công suất phân bố đều các hướng xung quanh thiết bị
EIRP	2.4G EIRP: <=20dBm 5G EIRP : UNII 1&2 : <=23dBm UNII 3&4 : <=26dBm	2.4G EIRP: <=25dBm 5G EIRP : <=24dBm	2.4G EIRP: <=20dBm 5G EIRP : <=26dBm	Các thiết bị đều tuân theo chuẩn FCC và EC nên công suất phát đẳng hướng đều có giá trị tương đương
LAN Port	10/100/1000Mbps	10/100/1000Mbps	10/100/1000 Mbps	3 thiết bị có thông số port LAN giống nhau
Power Supply	12V-1A	12V-1A	12V-1A	Các thiết bị thông số nguồn giống nhau

1.4 Trạng thái đèn thiết bị

ĐÈN TÍN HIỆU

No.	LED hiển thị	Trạng thái	Mô tả	
1	Power	Sáng đỏ	Nguồn điện cho thiết bị bình thường	
		Tắt	Có lỗi về nguồn	
2	MESH	<u>Agent</u>	Sáng xanh dương , đứng	Kết nối Mesh được thiết lập và tín hiệu tốt
			Sáng xanh dương , nhấp nháy	Kết nối Mesh được thiết lập và tín hiệu không tốt
			Sáng đỏ , nhấp nháy	Kết nối Mesh đang thiết lập
			Sáng đỏ , đứng	Kết nối Mesh chưa thiết lập
		<u>Controller</u>	Sáng xanh lá	Wi-Fi đang hoạt động bình thường
			Tắt	Wi-Fi disable

1.5 Các tính năng

ST T	Tính năng	AC1200H	AC1200C	AC1200Z	Chú thích tính năng
8	Auto-Path selection	Yes	Yes	Yes	Tính năng cho phép Access Point tự động lựa chọn Mesh Link tốt nhất để truyền dữ liệu giữa các Access point
9	Parental control	Yes	Yes	Yes	Tính năng cho phép lập lịch trình quản lý kết nối STA
10	UPnP	Yes	No	Yes	Giao thức cho phép các thiết bị trong cùng một mạng có thể tự khám phá nhau
11	Mac Filter	Yes	Yes	Yes	Tính năng chặn kết nối WiFi của một STA
12	Port Forwarding	Yes	Yes	Yes	Tính năng cho phép người dùng mở port trên Access Point cho các ứng dụng trong mạng LAN
13	Smart Bandsteering	Yes	No	Yes	Tính năng hỗ trợ STA kết nối vào băng tần tốt nhất dựa trên băng tần đó có rảnh nhiều tài nguyên hay không
14	Self-healing backhaul	No	No	Yes	Khi một Node bị mất kết nối, các node còn lại sẽ tự động tìm một path khác về master node

2. CẤU HÌNH CHI TIẾT

2.1 Đăng nhập WEPGUI

- **Truy cập** : Thực hiện kết nối với wifi của thiết bị bằng SSID/Password được in tại nhãn thiết bị. Hoặc sử dụng dây LAN. Truy cập vào thiết bị Access Point AC 1200Z thông qua địa chỉ IP: 192.168.102.1
 - Username: admin
 - Password: Số HD bỏ mã vùng hoặc nằm trên tem nhãn của thiết bị



2.2 Cấu hình Wifi : SSID name , Password, giới hạn số lượng client

- **Truy cập** : Local Network => WLAN => WLAN Basic => WLAN SSID Configuration

- Thực hiện chọn cấu hình SSID1
- Cài đặt tên Wifi tại mục **SSID Name**.
- Cài đặt mật khẩu tại mục **WPA Pasphrase**.

Home
Topology
Internet
Local Network
Management & Diagnosis

Status
WLAN
LAN
Routing
FTP
UPnP
BPDU
DMS/DLNA
Samba Service
DNS
USB

WLAN Basic
WLAN Advanced
WPS
Surrounding WiFi
WLAN Band Steering

Page Information

This page provides the function of WLAN basic parameter(s) configuration.

▼ WLAN On/Off Configuration

[What should be noticed when configuring WLAN On/Off?](#)

Mode
☒ Manual
☐ Schedule

WLAN (2.4GHz)
☒ On
☐ Off

WLAN (5GHz)
☒ On
☐ Off

Apply
Cancel

▼ WLAN Global Configuration

2.4GHz
5GHz

▼ WLAN SSID Configuration

SSID1 (2.4GHz)
☒ On
☐ Off

SSID Name
HieuBL

SSID Hide
☐ On
☒ Off

Encryption Type
WPA/WPA2-PSK-TKIP/AES

WPA Passphrase
.....

SSID Isolation
☐ On
☒ Off

Maximum Clients
32

Lưu ý : Sau khi cấu hình xong SSID1 2.4Ghz và Password, thì SSID/Password này sẽ được tự động copy config cho SSID5 5GHz.

-WLAN Band Steering →Band Steering

Threshold (để chỉnh ngưỡng Band Steering)

Lưu ý: Mặc định chạy Band Steering không tắt được.

-WLAN Basic →WLAN On/Off Configuration

(để chỉnh ngưỡng Roaming và tắt bật WLAN)

2.3 Cấu hình tách sóng WIFI

Tách sóng nhằm mục đích người sử dụng cần cài đặt các thiết bị thông minh, các thiết bị camera, robot hút bụi ,thiết bị đời cũ... chỉ hỗ trợ băng tần 2.4Ghz .

-Chọn : Local Network => WLAN => WLAN Basic => WLAN SSID Configuration

1. Thực hiện bật On băng tần 2.4Ghz tại mục SSID3 hoặc SSID4 thực hiện Kích đúp vào đặt tên Wifi và mật khẩu (chú ý đã tách sóng nên đặt Tên + mật khẩu khác với SSID1 và SSID5)

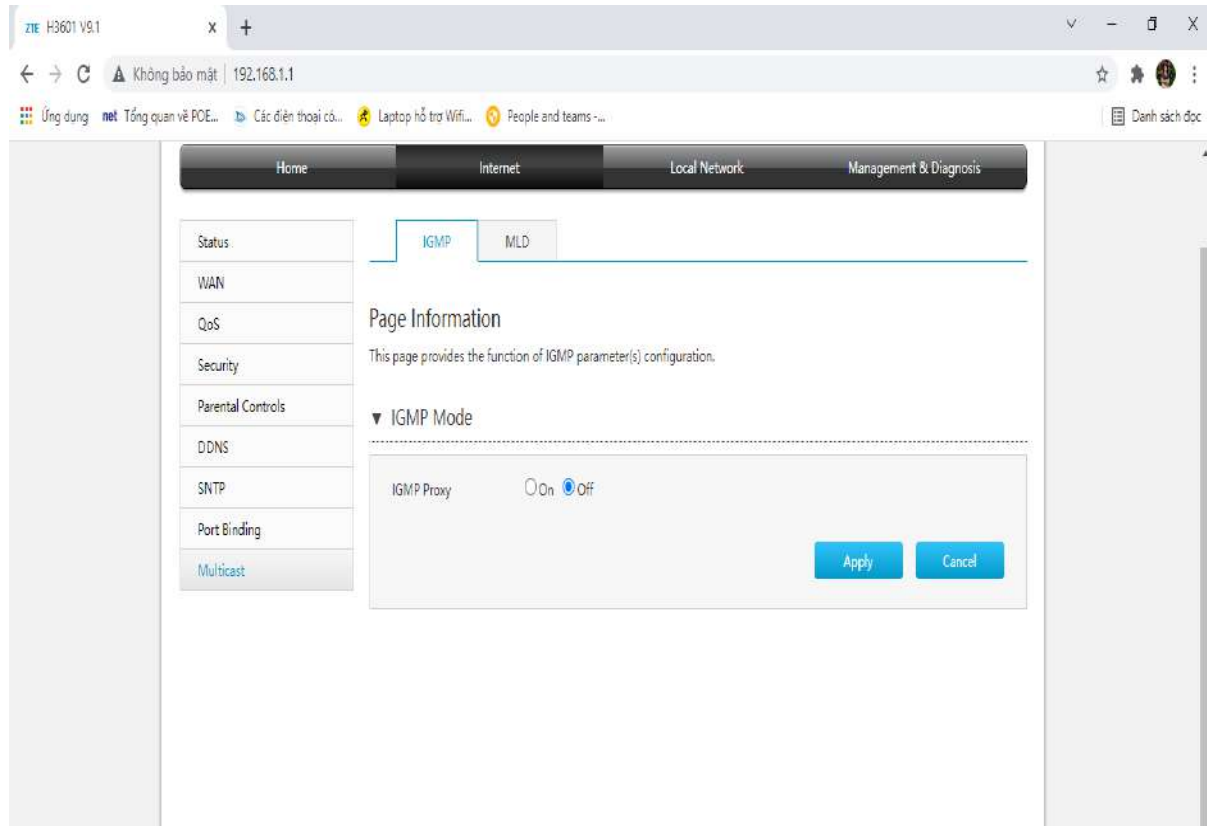
2 .Thực hiện On băng tần 5Ghz nếu khách có nhu cầu sử dụng thêm tại SSID7 hoặc SSID 8.

▼ WLAN SSID Configuration

SSID	Frequency	On	Off
SSID1	2.4GHz	☒	☐
SSID Name HieuBL SSID Hide ☐ On ☒ Off Encryption Type WPA/WPA2-PSK-TKIP/AES WPA Passphrase SSID Isolation ☐ On ☒ Off Maximum Clients 32 Apply Cancel			
▶ SSID2	2.4GHz	☐	☒
▶ SSID3	2.4GHz	☒	☐
▶ SSID4	2.4GHz	☐	☒
▶ SSID5	5GHz	☐	☐
▶ SSID6	5GHz	☐	☐
▶ SSID7	5GHz	☒	☐
▶ SSID8	5GHz	☐	☒

2.4 Cấu hình IPTV

Internet => Multicast => IGMP => IGMP Mode (Thiết bị mode Controller nên IGMP phải để On Proxy)



2.5 Cấu hình Mesh



Bước 1: Cắm dây LAN từ AP Controller vào Wan của AP Agent

Bước 2: Theo dõi đèn tín hiệu trên AP Agent. Khi nào đèn tín hiệu chuyển từ đỏ sang xanh biếc thì là đã mesh thành công. Làm tương tự với các AP còn lại

Bước 3: Ngắt kết nối dây LAN, chuyển thiết bị AP Agent đến các vị trí lắp đặt và cắm nguồn cho các AP

Lưu ý: Để chất lượng mesh tốt nhất, đặt vị trí các AP Agent sao cho đèn tín hiệu xanh sáng đứng, nếu ở vị trí đèn xanh nháy liên tục có nghĩa là vị trí đặt AP Agent hiện tại quá xa với AP Controller (RSSI > -70dbm) sẽ ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.

Bước 4: Kiểm tra thông tin mesh topology trên controller

2.6 Chặn thiết bị truy cập (Parental Controls)

Chọn Internet > Parental Controls > New item > ON > -Chọn list thiết bị cần chặn khi kích vào Select from the associated devices

Mục Time Policy :

-Days : Chọn tích Everyday nếu muốn mặc định chặn tất cả ngày trong tuần , hoặc bỏ tích , chọn các ngày cần chặn trong tuần

-Duration : Chọn khoản thời gian cần chặn.

- Action : Chọn Chặn hoàn toàn internet (Ban internet Access, hoặc chọn chặn URL

Status
WAN
Security
IP Rate Limit
Parental Controls
DDNS
SNTP
Port Binding
Dynamic Routing
Multicast
Port Locating
PON Information

Page Information

This page provides the function of parental controls parameter(s) configuration.

▼ Parental Controls

New Item

☒ On
 ☐ Off

Name

User Identity

7e : 70 : 15 : 92 : 85 : 6a

[Select from the associated devices](#)

☒ Host Name: [Xiaomi-Pad-6-Pro]-MAC Address: [7e:70:15:92:85:6a]

☐ Host Name: [H6c_BC9199061_EZVIZ]-MAC Address: [54:d6:0d:f0:ac:73]

☐ Host Name: [H6c_BC9199197_EZVIZ]-MAC Address: [54:d6:0d:f0:de:bf]

☐ Host Name: [Smart TV Pro]-MAC Address: [e8:ca:c8:ad:3d:76]

☐ Host Name: [Redmi-K50-Pro]-MAC Address: [ee:ee:ee:7c:92:9b]

[Hide](#)

Time Policy

Days

☒ Everyday

☐ Sun. ☐ Mon. ☐ Tues. ☐ Wed. ☐ Thur. ☐ Fri. ☐ Sat.

Duration

00 h 00 min ~ 23 h 59 min [All Day](#)

Action

Ban Internet Access

Apply

Cancel

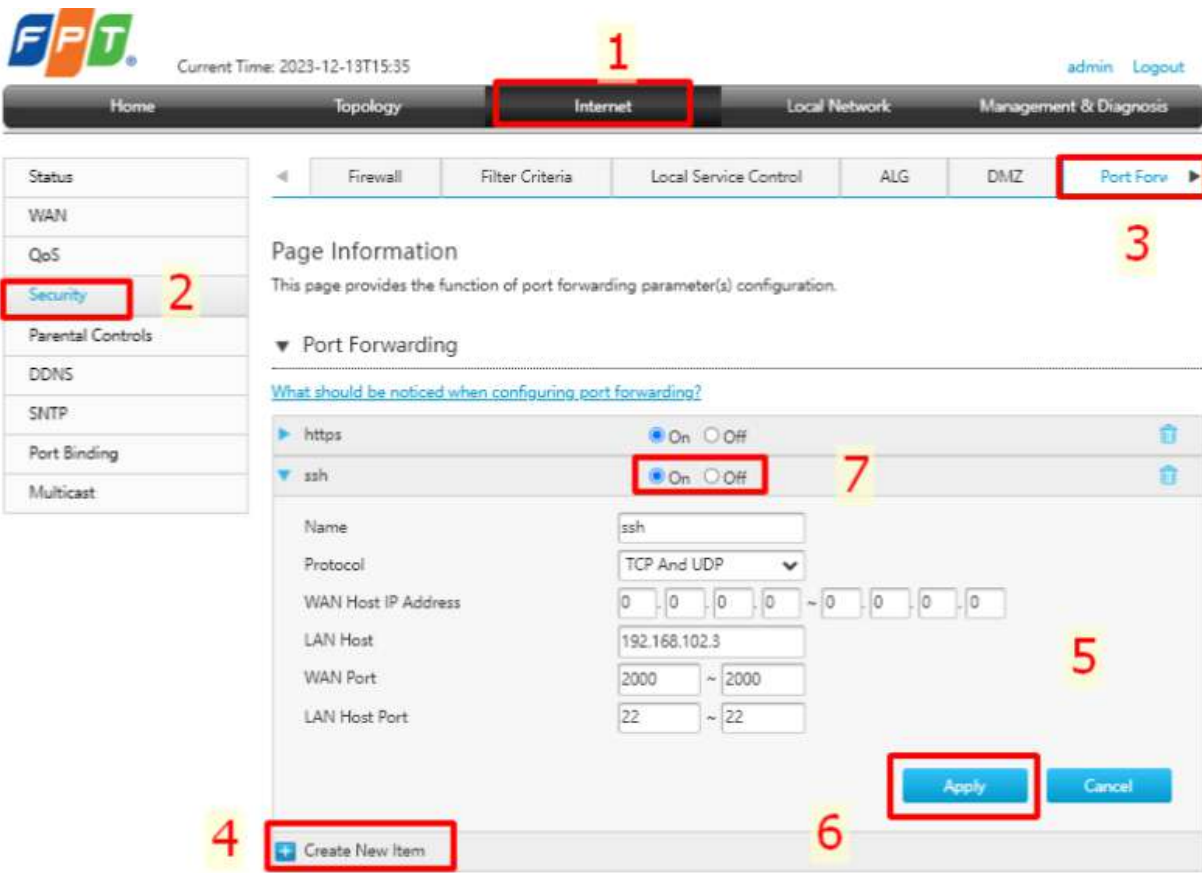
+

Create New Item

2.7 Nat port

Internet => Security => Port Forwarding => Create New Item

- Protocol: Chọn giao thức cho phép truy cập TCP/UDP
- WAN Host IP Address: chỉ định 1 IP WAN được phép truy cập hoặc cho phép tất cả IP WAN (thì để nguyên mặc định)
- LAN Host: chọn IP LAN muốn mở port
- Wan Port: mở port wan, VD mở port wan 2000
- Lan Host Port: chọn range port muốn mở trong LAN Trong hình là ví dụ mở WAN port 2000 để SSH vào client có IP 196.168.102.3



Current Time: 2023-12-13T15:35

admin Logout

Home Topology **Internet** Local Network Management & Diagnosis

Status
WAN
QoS
Security
Parental Controls
DDNS
SNTP
Port Binding
Multicast

Firewall Filter Criteria Local Service Control ALG DMZ **Port Forw**

Page Information
This page provides the function of port forwarding parameter(s) configuration.

▼ Port Forwarding

[What should be noticed when configuring port forwarding?](#)

▶ https ☒ On ☐ Off

▼ ssh ☒ On ☐ Off

Name ssh

Protocol TCP And UDP

WAN Host IP Address 0 0 0 0 ~ 0 0 0 0

LAN Host 192.168.102.3

WAN Port 2000 ~ 2000

LAN Host Port 22 ~ 22

Apply **Cancel**

Create New Item